**“Nghiên cứu chọn tạo, sản xuất giống cây trồng ở Việt Nam, thách thức và**

**cơ hội phát triển"**

 *Trần Xuân Định, Phó chủ tịch thường trực;Tổng thư ký VSTA*

**1.Mở đầu**

Giống, một yếu tố đầu vào vô cùng quan trọng của chuỗi sản xuất nông sản nói chung trên toàn thế gới. Ở Việt Nam, tổng kết kinh nghiệm từ xa xưa đã chỉ ra: “Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống” và hiện nay trật tự này đã thay đổi khi mà hệ thống thủy lợi được xây dựng hoàn thiện, nhiều loại phân bón từ vô cơ, hữu cơ, vi sinh, sinh học ra đời hoàn toàn đáp ứng khả năng thâm canh cây trồng, và cơ giới hóa với các loại máy móc từ gieo hạt đến chăm sóc, phun thuốc và thu hoạch…do vậy vị trí của “Giống” là số một.

Là một đất nước nông nghiệp, những thập niên qua, nông nghiệp Việt đã bứt phá vươn lên từ chỗ thiếu ăn, chúng ta đã có cuộc sống ăn no, mặc ấm và đang vươn tới ăn ngon, mặc đẹp; Việt nam trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu nông sản với nhiều mặt hàng đứng tóp đầu thế giới, đó là gạo, tiêu, cà phê, điều, cao su…Kim ngạch xuất khẩu nông sản từ dưới 10 tỷ USD ở đầu thập niên 2000, đã nhanh chóng đạt mốc trên 20 tỷ trong tổng số gần 49 tỷ USD (2021) giá trị xuất khẩu nông lâm thủy sản;

Đóng góp vào thành tựu này gồm nhiều yếu tố khoa học công nghệ, tổ chức sản xuất, chế biến và thị trường, song phải khẳng định, giống -một yếu tố quan trọng đã đóng góp to lớn trong kết quả sản xuất nông sản của Việt Nam.

Báo cáo này nhằm cung cấp một góc nhìn tổng quan về công tác nghiên cứu, chọn lọc giống cây trồng nông nghiệp những năm gần đây và những thách thức cũng như cơ hội của ngành giống trong thời gian tới.

**2.Vài nét về kết quả sản xuất trồng trọt của Việt Nam những năm qua**

Những năm qua, nông nghiệp của Việt Nam đã đạt được những kết quả nổi bật, mặc dù trước những diễn biến phức tạp của kinh tế toàn cầu như khủng hoảng, dịch bệnh, xung đột chính trị và xu hướng bảo hộ... Nông nghiệp luôn trở thành “Trụ cột” cho nền kinh tế, sự phát triển, tốc độ tăng trưởng của nông nghiệp góp phần cho sự ổn định của xã hội, đảm bảo an sinh cũng như cuộc sống cho người dân.

Trong nông nghiệp, trồng trọt vốn là lĩnh vực đóng góp 71,5% GDP và xấp xỉ 45% kim ngạch xuất khẩu của ngành nông nghiệp, trong tổng giá trị xuất khẩu hơn 48 tỷ USD của nông lâm thủy sản, năm 2021 trồng trọt có tới 5 ngành hàng gồm: Gạo, Cà phê, Điều, Cao su và rau quả có giá trị xuất khẩu hơn 3 tỷ USD, Kết quả của lĩnh vực trồng trọt góp phần xóa đói, giảm nghèo, tạo ra nhiều việc làm cho người dân, từ đó góp phần đảm bảo an ninh lương thực và chính trị, xã hội ở nước ta.

 Bảng 1. Kết quả tăng trưởng tiểu ngành trồng trọt trong tổng thể ngành Nông nghiệp 2011-2020

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ số đánh giá** | **Đơn vị** | **2016** | **2017** | **2018** | **2019** | **2020** | **2021\*** |
| 1. Mức tăng trưởng GTSX NLTS hàng năm  | % | 1,5 | 3,16 | 3,86 | 2,15 | 2,94 | 2,9 |
| 2. Tốc độ tăng GTSX trồng trọt | % | -0,9 | 2,2 | 2,52 | 1,47 | 1,55 | (ước) 1,95  |
| 3. Giá trị sản phẩm thu được trên 1 ha đất trồng trọt | Tr.đ/ha | 85,4 | 90,2 | 93,4 | 96,2 | 99,5 | 102,8 |
| 4. Sản lượng cây lương thực có hạt | Triệu tấn | 48,68 | 47,97 | 48,88 | 48,69 | 48,62 | 47,3 |
| 5.Giá trị XK nông lâm thủy sản | Tỷ USD | 32,18 | 36,53 | 40,02 | 41,28 | 41,25 | 48,6 |
| 6.Giá trị XK nông sản (trồng trọt) | Tỷ USD | 15,12 | 18,97 | 19,52 | 18,48 | 18,54 | 21,3 |

Nguồn: Báo cáo tổng kết 10 năm an ninh lương thực-Bộ NNPTNT;Báo cáo tổng kết ngành NNPTNT 2021; Báo cáo thống kê tình hình kinh tế xã hội hàng năm (GSO)

Giá trị nổi bật của trồng trọt là duy trì ổn định sản lượng lúa gạo và sản lượng cây lương thực có hạt 48-49 triệu tấn hàng năm, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực và xuất khẩu hàng năm trên dưới 6 triệu tấn góp phần vào an ninh lương thực chung toàn cầu; Giá trị thu nhập/ha canh tác tăng từ hơn hơn 85 triệu đồng/ha lên trên 100 triệu đồng/ha, tương đương 121% so năm 2016. Giá trị xuất khẩu của trồng trọt năm 2021 với 21,3 tỷ USD tăng hơn 40% so với 2016, đặc biệt 2 năm gần đây do tác động của giá cả và đại dịch Covid 19, chuỗi cung ứng bị ngắt quãng, nhưng là mặt hàng thiết yếu, giá trị xuất khẩu mặt hàng nông sản vẫn tăng.

Về chuyển dịch cơ cấu cây trồng, báo cáo xây dựng chiến lược ngành trồng trọt 2020 cho thấy: Cơ cấu cây trồng chuyển dịch theo hướng cây trồng có lợi thế, có thị trường tăng tương đối mạnh, những cây trồng không có lợi thế, hiệu quả thấp giảm. Vì vậy tỷ trọng giá trị sản xuất các nhóm cây có sự thay đổi, nhóm cây lương thực từ 46,54% năm 2011 giảm xuống 38,3% năm 2019; nhóm cây công nghiệp hàng năm 4,54% năm 2011 giảm xuống còn 2,69% năm 2019; nhóm cây công nghiệp dài ngày từ 21,63 năm 2011 giảm xuống 13,98% năm 2019; nhóm rau tăng từ 10,31% lên 14,87% năm 2019; đặc biệt nhóm cây ăn quả 10,23% năm 2011 tăng lên 18,35% năm 2019.

Bảng 2. Cơ cấu giá trị sản xuất theo nhóm cây trồng (Tỷ đồng và % tương ứng)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm cây** | **2011** | **2015** | **2016** | **2017** | **2018** | **2019** |
| **I. Trồng trọt** | **671.398,94** | **722.939,40** | **745.596,43** | **794.629,55** | **813.261,96** | **838.236,05** |
| *A. Cây hàng năm* | *446.263,63* | *475.512,96* | *489.207,70* | *507.514,19* | *541.113,42* | *552.396,97* |
| Tỷ lệ (%) | 66,47 | 65,77 | 65,61 | 63,87 | 66,54 | 65,90 |
| 1. Lương thực | 312.477,96 | 310.596,62 | 306.117,42 | 307.209,74 | 329.687,77 | 321.064,97 |
| Tỷ lệ (%) | 46,54 | 42,96 | 41,06 | 38,66 | 40,54 | 38,30 |
| 2. Cây CN ngắn ngày | 30.489,99 | 25.381,40 | 26.608,56 | 28.240,51 | 25.906,65 | 22.539,29 |
| Tỷ lệ (%) | 4,54 | 3,51 | 3,57 | 3,55 | 3,19 | 2,69 |
| 3. Rau | 69.233,79 | 88.436,91 | 98.006,97 | 106.056,83 | 110.353,27 | 124.619,63 |
| Tỷ lệ (%) | 10,31 | 12,23 | 13,14 | 13,35 | 13,57 | 14,87 |
| *B. Cây lâu năm* | *225.135,31* | *247.426,44* | *256.388,73* | *287.115,36* | *272.148,54* | *285.839,07* |
| Tỷ lệ (%) | 33,53 | 34,23 | 34,39 | 36,13 | 33,46 | 34,10 |
| 1. Cây ăn quả | 68.703,95 | 100.930,55 | 112.512,78 | 125.449,20 | 136.570,30 | 153.831,68 |
| Tỷ lệ(%) | 10,23 | 13,96 | 15,09 | 15,79 | 16,79 | 18,35 |
| 2. CNN dài ngày | 145.236,46 | 136.069,78 | 132.432,03 | 146.698,80 | 124.650,72 | 117.213,10 |
| Tỷ lệ (%) | 21,63 | 18,82 | 17,76 | 18,46 | 15,33 | 13,98 |

Nguồn: Báo cáo của Cục trồng trọt, 2020

**3. Nghiên cứu chọn tạo giống cây trồng nông nghiệp ở Việt Nam.**

***3.1. Hệ thống nghiên cứu chọn tạo giống cây nông nghiêp ở Việt Nam***

Hệ thống nghiên cứu, chọn tạo giống cây trồng nông nghiệp Việt Nam khá đa dạng.

Hệ thống nghiên cứu của các Viện về nông nghiệp nói chung và giống cây trồng nông nghiệp gồm có 19 đơn vị thành viên thuộc Viện KHNN Việt Nam với 2.556 cán bộ và công nhân viên chức, với 35% có trình độ Tiến sỹ và Thạc sỹ[[1]](#footnote-1).

Hệ thống nghiên cứu của các trường gồm có Học viện Nông nghiệp Việt Nam và 6 Trường Đại học chuyên ngành Nông Lâm nghiệp và Thủy sản, chưa tính các Trường Đại học có Khoa Nông, Lâm nghiệp.

Đối với hệ thống nghiên cứu của các Trung tâm giống tỉnh, hiện có khoảng 50 trung tâm giống cây trồng, số trung tâm nghiên cứu chọn tạo giống không nhiều, chủ yếu là thực hiện nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh và khảo nghiệm giống.

Các công ty lớn có các Viện nghiên cứu hoặc trung tâm nghiên cứu và phát triển sản phẩm như Tập đoàn giống cây trồng Việt nam, Thái bình seed, ADI, Lộc trời, Syngenta Vieetjnam, Công ty Hồ Quang Trí- Sóc trăng và hàng chục đơn vị, cá nhân tham gia chọn lọc,

***3.2. Nghiên cứu, chọn tạo, bảo hộ giống cây trồng nông nghiệp[[2]](#footnote-2).***

Trong vòng 10 năm trở lại đây (2010-2019); Từ nghiên cứu, chọn tạo, nhập nội để thử nghiệm đến công nhận giống (với nhóm giống cây trồng chính: Lúa, ngô, lạc đậu) tuân thủ các quy định tại Pháp lệnh giống cây trồng 2004, quyết định 95/QĐ/BNN-TT của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Bảng 3. Tổng hợp số lượng giống cây trồng chính được công nhận cho sản xuất kinh doanh 10 năm qua

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên nhóm giống | Số lượng giai đoạn 2010-2015 | Số lượng giai đoạn 2015-2019 |
| Lúa | 104 | 76 |
| Ngô | 45 | 55 |
| Lạc | 6 | 3 |
| Đậu tương | 3 | 3 |

Tuy nhiên đã có tổng cộng trên 1300 giống cây trồng mới được công nhận cho sản xuất trong 10 năm qua, bao gồm cả các giống rau, hoa, khoai tây, khoai lang, cao lương, cỏ, giống nấm, giống cây ăn quả, cây công nghiệp như cao su, điều, hồ tiêu, cà phê, nhãn, vải, thanh long...

*3.2.1. Nghiên cứu, chọn tạo giống lúa:*

Tính từ 2015-2019, Theo pháp lệnh giống cây trồng và Quyết định 95/QĐ/BNN-CLT, đã công nhận được 76 giống lúa mới. Các giống mới được công nhận đều đáp ứng được một trong các tiêu chí như: vượt năng suất giống đang trồng phổ biến trong sản xuất từ 10-15%, trong đó có nhiều giống có đặc tính kháng sâu bệnh chính như rầy nâu, đạo ôn, bạc lá và chống chịu với điều kiện bất thuận như chịu hạn, chịu mặn, chịu phèn. Một số giống lúa đã thay thế được các giống lúa của Trung Quốc tại các vùng sản xuất phía Bắc. Ngoài ra, đã có nhiều giống lúa có thời gian sinh trưởng ngắn, năng suất, chất lượng khá, chống chịu tốt với sâu bệnh hại, được bố trí gieo trồng ở những chân đất chịu áp lực về thời vụ và né tránh thiên tai.

Viện nghiên cứu lúa ĐBSCL (Ô môn, Cần Thơ) đã lại tạo và chọn lọc thành công các giống lúa chịu mặn. Một số bộ giống lúa tiêu biểu của Viện Lúa ĐBSCL đã phóng thích có khả năng chịu mặn khá 3-4‰ gồm: Giống lúa OM7347; Giống lúa OM5629 được tuyển chọn từ tổ hợp lai C27/IR64/C27; Giống lúa OM6600, giống đã được công nhận giống sản xuất thử theo quyết định số 457/QĐ-TT-CLT và sau đó năm 2011 giống được công nhận chính thức theo quyết định số 711/QĐ-TT-CLT; Giống OM 4900; Giống lúa OM6976 là các giống chất lượng, hạt dài và chống chịu sâu bệnh khá, chịu mặn khá, Giống lúa OM6976 đã được Cục Trồng trọt công nhận đặc cách chính thức giống lúa thuần tại các tỉnh vùng ĐBSCL, theo quyết định số 711/QĐ-TT-CLT ngày 7 tháng 12 năm 2011. Giống OM56976 là một trong những giống nhận được giải thưởng Bông lúa vàng Việt Nam 2012; Giống OM22 (OM6976/ Saltol) chịu mặn 4-6% cho ĐBSCL.

Một loạt các giống lúa mới chất lượng cao, đáp ứng tiêu chuẩn gạo trắng hạt dài và gạo thơm phục vụ xuất khẩu đã được công nhận cho vùng đồng bằng sông Cửu long được các doanh nghiệp và các đơn vị nghiên cứu lai tạo và chọn lọc, nhiều giống đã phát triển nhanh ngoài sản xuất với diện tích vài trăm ngàn ha mang lại giá trị cao cho nông dân trồng lúa như: RVT, Đài thơm 8, OM 5451, ST23, ST24 và giống ST25, trong các cuộc thi gạo ngon thế giới các giống lúa của Việt Nam như ST24 đã được giải nhì, ST25 đạt giải nhất năm 2019.

Ở Miền Bắc, Viện cây lương thực và cây thực phẩm cũng đã tập trung nguồn lực nghiên cứu, chọn tạo các giống chống chịu như các giống chịu hạn gồm: Giống Lúa chịu hạn CH208: công nhận chính thức 2011; Giống lúa chịu hạn Sơn Lâm 2 (LCH37): công nhận chính thức tháng 6/2016; Giống lúa chịu hạn CH16: sản xuất thử 11/2015; Giống lúa chịu hạn CH10: sản xuất thử 3/2016; Giống lúa chịu hạn CH12: sản xuất thử 3/2016, Các giống đều thuộc nhóm giống lúa cảm ôn, ngắn ngày, vụ xuân dưới 135 ngày và vụ mùa dưới 115 ngày, chống chịu sâu bệnh chính như đạo ôn, rầy nâu, khô vằn mức khá, chất lượng cơm gạo khá đến trung bình, hàm lượng Amiloza dưới 22%.

Viện Di truyền nông nghiệp cũng đã quy tụ và chọn tạo được dòng ưu tú mang đồng thời gen chịu mặn và chịu ngập trên nền gen của giống BT7, AS996 và Q5ĐB. Dòng AS996 Saltol/Sub1 (CB45-6) cho năng suất ngang với AS996 với các đặc tính chống chịu với mặn ở nồng độ muối 4%o. và chống chịu ngập 12 ngày, năng suất tương đương giống AS996 . Chất lượng gạo trung bình là vật liệu để tiếp tục chọn lọc. Dòng QIF từ Q5ĐB/Saltol/Sub1 có đặc điểm hình thái giống Q5ĐB, năng suất tương đương Q5ĐB, chịu ngập 12 ngày, chịu mặn 4%o, nhiễm đạo ôn nặng nên cần chọn lọc tiếp. Dòng BT7 Saltol/Sub1 còn phân ly về mặt hình thái, năng suất tương đương BT7.

Theo điều tra của Cục trồng trọt[[3]](#footnote-3), Cả nước gieo cấy 154 giống lúa tẻ /270 có trong danh mục với diện tích lúa tẻ là hơn 6,8 triệu ha.Giống lúa chủ lực ở các vùng có từ 10 đến 15 giống và tùy điều kiện lập địa của từng vùng; diện tích gieo cấy các giống này chiếm từ 40-60%,

- Có 26 giống có diện tích gieo cấy đạt trên 50.000 ha, 13 giống gieo cấy trên 100 nghìn ha trở lên, giống lúa thuần IR50404 có diện tích gieo cấy lớn nhất trên 1,3 triệu ha[[4]](#footnote-4), giống OM5451 trên 670 nghìn ha, giống OM6976 trên 540 nghìn ha, giống OM4900 trên 497 nghìn ha, tập trung khu vực các tỉnh phía Nam, giống Khang dân 18 trên 404 nghìn ha, BC15 trên 268 nghìn ha (Khu vực các tỉnh phía Bắc và miền Trung;Giống lúa chất lượng Jasmine85 trên 251 nghìn ha (ĐBSCL), BT7 trên 202 nghìn ha (Các tỉnh phía Bắc), OM 4128 có diện tích trên 199 ngàn ha. 5/13 giống lúa tẻ có diện tích lớn này là các giống do hệ thống viện KHNN thuộc VAAS lai tạo, chọn lọc; Các giống khác có nguồn gốc từ Trung Quốc hoặc nước khác nhưng đều do các doanh nghiệp hoặc Viện KHNN chọn lọc lại.

-Lúa ưu thế lai được gieo cấy phổ biến ở BTB và ĐBSH, TDMNPB; Ở ĐBSCL, lúa lai cũng có xu hướng gia tăng và tập trung ở vùng đất mặn, đất tôm lúa. Cả nước đang phổ biến 80 giống lúa ưu thế lai, diện tích lúa lai năm 2015 là 665 ngàn ha. Giống có diện tích lớn là BT-E1, Nhị ưu 838, TH3-3, giống TH3-3 là giống lúa lai 2 dòng trong nước chọn tạo.

-Có 18 giống lúa nếp được gieo cấy, diện tích 176 ngàn ha, có 6 giống với diện tích trên 10 ngàn ha; giống có diện tích lớn nhất là N97, 58 ngàn ha.

*3.2.2. Nghiên cứu, chọn tạo giống ngô:*

Từ 2015-2019, đã chọn tạo và công nhận được 55 giống ngô mới, trong đó có 44 giống ngô lai; 08 giống ngô nếp, 03 giống ngô đường. Các giống ngô lai mới được chọn tạo đều đáp ứng được yêu cầu về thời gian sinh trưởng từ ngắn - trung bình, khả năng chống chịu hạn, bệnh gỉ sắt, thối thân; Một số giống ngô lai có năng suất cao (10 tấn/ha) tương đương với các giống nhập nội, khối lượng thân lá lớn được khai thác sinh khối để chăn nuôi đại gia súc.

*3.2.3. Nghiên cứu chọn tạo giống cây có củ.*

Giống cây có củ: công nhận được 10 giống lạc (trong đó 7 giống công nhận chính thức, 3 giống công nhận sản xuất thử) năng suất đạt 4-5 tấn/ha. Nhiều giống sắn tốt đã được nghiên cứu, chọn tạo và từng bước đưa vào sản xuất, năng suất đạt 30-40 tấn/ha. Đã công nhận 14 giống khoai (7 khoai lang, 7 khoai tây) trong đó giống khoai tây đạt tới 25-30 tấn/ha.

*3.2.4. Nghiên cứu chọn tạo giống cây nông nghiệp khác.*

Công nhận được 14 giống đậu tương, 26 giống cây ăn quả, 16 giống rau các loại, 27 giống hoa.

*3.2.5. Nghiên cứu chọn tạo giống cây ăn quả và cây công nghiệp[[5]](#footnote-5).*

-Giống cây ăn quả: Có 26 giống cây ăn quả được công nhận trong 10 năm qua. 3 giống vải: Vải Yên Hưng, vải Yên Phú, Vải chín sớm Phúc Hòa; 4 giống nhãn: Nhãn HTM1, Nhãn chín muộn PH-M99-1.1; Nhãn chín muộn PH-M99-2.1, Nhãn HTM2; 6 giống dừa: dừa ta, dừa dâu, dừa xiêm, dừa ẻo, dừa dứa, dừa sáp;1 giống hồng MC1; 1 giống táo ĐL-BG1; 2 giống cam: cam BH, cam chín sớm CS1; 1 giống nho IAC 572; 1 giống lê Tai Nung; 1 giống quýt PQ1; 1 giống chanh leo Đài Nông LPH04; 2 giống bơ: bơ TA1, bơ Booth7; 1 giống bưởi hồng Quang Tiến;

Nhiều giống cây ăn quả đã được ứng dụng đại trà trong sản xuất, trong đó có giống thanh long ruột đỏ TL4, giống cam chín sớm CS1, giống ổi OĐL1, giống chuối tiêu hồng...

-Giống cà phê: Viện KHKT Nông Lâm nghiệp Tây Nguyên đã chọn lọc được một số giống cà phê vối có năng suất cao và chất lượng tốt, góp phần nâng cao năng suất, sản lượng và chất lượng cà phê Việt Nam. Các giống cà phê vối đã được công nhận cho sản xuất như: TR4, TR5, TR6, TR7, TR8, TR9, TR11, TR12, TR13, TR14, TR15 và giống hạt lai TRS1. Ngoài ra, hai giống TR14, TR15 đã được công nhận cho sản xuất thử.

Các giống cà phê chọn lọc có năng suất cao vượt trội, đạt từ 4,5- 6,5 tấn nhân. Chất lượng cà phê nhân cũng được cải thiện đáng kể do cà phê có kích cỡ hạt lớn, đồng đều; giống cà phê chọn lọc có khả năng kháng gỉ sắt rất cao nên đã giải quyết được vấn đề bệnh gỉ sắt trong sản xuất cà phê. Các giống mới còn được chọn lọc theo thời điểm chín, có thể cho phép thu hoạch rải vụ, có giống chín sớm và chín muộn, có thời gian đeo quả trên cây lâu nên tích lũy chất khô đầy đủ. Ngoài ra, thời điểm thu hoạch của các giống này rơi vào mùa khô sẽ thuận lợi cho điều kiện phơi sấy. Hai điểm này cũng là lợi thế để tạo nên chất lượng cà phê tốt hơn.

Giống cà phê chè gồm: giống TN1, TN2, TN6, TN7, TN9 là những giống lai cho năng suất cao, cây sinh trưởng khỏe, tán rộng hơn Catimor và chất lượng cũng khá tốt, trong đó giống TN1 và TN6 được đánh giá có chất lượng thơm ngon hơn; các giống lai F1 được nhân giống bằng phương pháp vô tính (ghép, nuôi cấy mô tế bào).

-Giống chè: cả nước có 21 giống chè mới chủ lực đã được nghiên cứu, khảo nghiệm, công nhận và đưa vào phục vụ sản xuất như PH1, LDP1, LDP2, PH8, PH9, PH10, PH11, PH12, PH14, TRI5.0, Phúc Vân Tiên, Kim Tuyên, Shan Chắt Tiền, TB14, Hương Bắc Sơn, VN15, LP18, LCT1, PH276, CNS.141, CNS.831.

Nếu năm 2000 chỉ có khoảng 15 % diện tích chè được trồng thâm canh bằng các giống mới thì hiện nay đã có khoảng 60% diện tích được trồng bằng giống mới, cơ cấu giống chè cả nước năm 2019 bước đầu có chuyển biến theo hướng tăng tỷ lệ các giống chè chất lượng khá và chất lượng cao. Một số tỉnh có % diện tích chè giống mới cao như Lâm Đồng 100%, Nghệ An, 89%, Thái Nguyên 75,9%, Phú Thọ 73,1%, Tuyên Quang 63%, Yên Bái 58,6%, Sơn la 53,2%.

Kết quả điều tra của Viện Quy hoạch cho thấy: các giống chè lai LDP1, LDP2 chiếm tỷ lệ lớn nhất chiếm 29,3%, tiếp đến giống chè Shan chiếm 24%; Trung du chiếm 11,8%; TB14 và LĐ97 chiếm 8,2%; Các giống chè khác PH1, Kim Tuyên, Bát Tiên, Phúc Vân Tiên, OLong Thanh Tâm, TRI777,... chiếm 26,7%.

-Giống Các loại cây như Hồ tiêu, Điều, Bơ, mía…Hầu hết được tuyển chọn qua nhập nội và phần lớn bộ giống đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, chống chịu.

Giai đoạn 2013-2018, các Viện, Trường đã chọn tạo và được công nhận 231 giống, chiếm 60% số giống được công nhận, trong đó công nhận cho sản xuất thử 162 giống, công nhận chính thức 69 giống. Công ty và Trung tâm giống các tỉnh được công nhận 156 giống (chiếm 40%), trong đó công nhận cho sản xuất thử 95 giống, công nhận chính thức 76 giống.

Giai đoạn 2013-2017, các Viện, Trường đã chọn tạo và được công nhận 231 giống, chiếm 60% số giống được công nhận, trong đó công nhận cho sản xuất thử 162 giống, công nhận chính thức 69 giống. Công ty và Trung tâm giống các tỉnh được công nhận 156 giống (chiếm 40%), trong đó công nhận cho sản xuất thử 95 giống, công nhận chính thức 76 giống.

***3.3. Bảo hộ và chuyển nhượng giống cây trồng nông nghiệp.***

Tính đến 2021, Văn phòng bảo hộ giống cây trồng, Cục trồng trọt đã nhận 2015 đơn đăng ký bảo hộ giống cây trồng nông lâm nghiệp và dược liệu, đã cấp được 920 bằng bảo hộ giống cây trồng mới;

Có 47 giống cây trồng sử dụng nguồn ngân sách nhà nước để chọn tạo được chuyển nhượng cho các doanh nghiệp (gồm 39 giống lúa, 4 giống ngô, 1 giống đậu tương, 1 giống lạc, 1 giống thanh long). Trong số 47 giống đã được chuyển nhượng, Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam có 30 giống, Học viện Nông nghiệp Việt Nam có 4 giống lúa.

Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam đã chuyển nhượng bản quyền sản xuất kinh doanh 30 giống (19 giống lúa thuần, 2 giống lúa lai, 8 giống ngô và 1 giống lạc).

Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã chuyển nhượng 4 giống lúa VL20, TH3-3, TH3-4, CT16, trong đó TH3-3 giá chuyển nhượng kỷ lục 10 tỷ đồng, giống TH3-4 là 4,7 tỷ đồng…

 **4. Sản xuất giống cây trồng nông nghiệp.**

***4.1. Hệ thống sản xuất và cung ứng giống.***

Theo số liệu điều tra hiện trạng sản xuất kinh doanh giống cây trồng tại các địa phương, hiện nay cả nước có khoảng 100 đơn vị sản xuất, kinh doanh giống cấp tỉnh, 65 đơn vị ở phía Bắc và 35 đơn vị ở phía Nam. Nhiệm vụ chủ yếu của các đơn vị này là sản xuất và/hoặc cung ứng các loại giống cây trồng cho yêu cầu của địa phương. Trong số này có 56 công ty và trung tâm (56,0%) chỉ sản xuất kinh doanh giống cây trồng, 44 DN còn lại (chiếm 44,0 %) không chỉ sản xuất hoặc kinh doanh giống thuần túy mà cung cấp các dịch vụ tổng hợp cho sản xuất nông nghiệp như dich vụ vật tư kỹ thuật như giống, phân bón, thuốc BVTV.

Ở Việt Nam hiện nay có 15 Công ty đa quốc gia/liên doanh với nước ngoài đang hoạt động, bao gồm Công ty TNHH Syngenta Việt Nam (lĩnh vực hạt giống và thuốc BVTV), Công ty TNHH Một thành viên Bioseed Việt Nam (chuyên giống ngô, lúa lai), Công ty TNHH Hạt giống C.P. Việt Nam (hạt giống ngô lai, hiện đã vươn sang lĩnh vực giống lúa ưu thế lai và lúa thuần), Công ty TNHH Dekalb Việt Nam, Công ty TNHH Advanta India, Công ty TNHH giống cây trồng Nông Hữu, Công ty TNHH Chia Tải, Công ty TNHH Bayer, Công ty TNHH Seed Weast (Hai Mũi Tên Đỏ), công ty Mahyco Việt nam... Cũng giống các doanh nghiệp tư nhân trong nước, các doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam tập trung sản xuất, kinh doanh và phân phối/ủy thác phân phối các sản phẩm giống có ưu thế lai tại Việt Nam.

Đối với loại hình công ty thuộc các viện nghiên cứu nông nghiệp, các doanh nghiệp này cũng đang tích cực tham gia kinh doanh trong lĩnh vực giống cây trồng. Đến nay đã có 5 Viện Nghiên cứu thành lập các doanh nghiệp giống gồm Công ty CP Tư vấn, Đầu tư phát triển ngô thuộc Viện Nghiên cứu ngô, Công ty Tư vấn và Đầu tư phát triển rau hoa quả thuộc Viện Nghiên cứu rau quả, Công ty Tư vấn và Đầu tư phát triển nghề vườn - Viện Nghiên cứu cây ăn quả miền Nam và Công ty Tư vấn Đầu tư phát triển cây lương thực, cây thực phẩm-Viện cây lương thực và cây thực phẩm. Về hình thức, đây là các Công ty TNHH Nhà nước một thành viên (100% vốn nhà nước) sau đó nhà nước thoái vốn và được cổ phần hóa để tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động nghiên cứu, sản xuất và phát triển sản phẩm.

Các Công ty Tầm “Quốc gia” như Vina seed, Thai Binh seed, ADI, Lộc trời…Có hệ thống sản xuất và phân phối khắp các vùng miền và chiếm 60-65% thị phần hạt giống nhóm cây có hạt, chủ yếu là lúa, ngô.

Hình 1. Sơ đồ các thành phần tham gia nghiên cứu chọn tạo và sản xuất giống cây trồng nông nghiệp ở Việt Nam

***4.2. Hình thức tổ chức sản xuất giống cây trồng.***

Do đặc điểm sinh thái, vị trí địa lý khá đa dạng, nền nông nghiệp nước ta cũng đa dạng và có sự khác biệt rõ rệt giữa các vùng miền. Cơ cấu giống cây trồng theo đó cũng có sự khác nhau, mỗi vùng miền đều có cơ cấu giống cây trồng khác nhau đã tạo nên sự phong phú, đa dạng về sản phẩm trồng trọt.

Hệ thống sản xuất và cung ứng giống cây trồng theo nhóm hạt giống và nhóm cây giống: (i). Nhóm sản xuất hạt giống gồm các loại cây có hạt, cây rau, cây ngắn ngày (lạc, đậu, vừng…); (ii). Nhóm cây giống: gồm các loại cây ăn quả và cây công nghiệp dài ngày (Chè, cà phê, cao su, tiêu…)

Trong sản xuất giống và cung ứng giống, các giống cây trồng được sản xuất phân phối theo hai hệ thống chính, một là hệ thống giống chính quy và hệ thống không chính quy (sản xuất giống nông hộ).

Hệ thống giống chính quy bao gồm các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, các đơn vị sự nghiệp (các Viện nghiên cứu, trường đại học, Trung tâm giống của Trung ương, địa phương). Giống của hệ thống này thường được đặc trưng bởi chế biến bằng máy móc, các giống được đặt tên rõ ràng (qua khảo nghiệm, công nhận giống) và được bảo hành chất lượng. Đối với cây giống phải sản xuất theo tiêu chuẩn của từng loại và ghi rõ nguồn gốc; Ở Việt Nam, cây trồng trong hệ thống giống chính thống được đề cập nhiều nhất là lúa và ngô.

Hệ thống sản xuất giống chính quy được các doanh nghiệp đầu tư bài bản với hệ thống chọn lọc, nhân giống cấp hoặc sản xuất giống ưu thế lai, đầu tư phòng thử nghiệm, kiểm định chất lượng hạt giống, hệ thống chế biến, xử lý hạt giống và đóng bao tự động với thiết kế mẫu mã, bao bì gọn đủ thông tin. Nhờ hệ thống này ngành hạt giống được hiện đại hóa.

Hệ thống giống nông hộ gồm các hợp tác xã, tổ hợp tác, câu lạc bộ và hàng chục ngàn hộ nông dân tham gia sản xuất giống. Họ sản xuất rồi tự để giống cho mình, trao đổi, mua bán giống với nhau trong cộng đồng dân cư nơi họ sinh sống hàng ngày, hoặc ký kết hợp đồng sản xuất giống cho các đơn vị thuộc hệ thống giống chính quy. Hình thức này được biết đến nhiều nhất trên cây lúa, ngô nhưng cũng phổ biến ở các cây trồng địa phương mà hệ thống chính quy không tham gia sản xuất như khoai lang, khoai tây, rau, đậu các loại. Đặc biệt hệ thống này đang phổ biến ở nhân, sản xuất cây ăn quả, cây công nghiệp với hình thức các nhà vườn, hộ kinh doanh giống cây (hình thức ghép mắt, ghép cành hoặc thậm chí thực sinh).



Hình 2. Sơ đồ hình thức sản xuất giống cây trồng nông nghiệp ở Việt Nam

**5. Tiềm năng sản xuất giống cây trồng nông nghiệp ở Việt nam.**

***5.1. Cung cầu giống cây trồng***

*5.1.1. Cây lương thực, cây thực phẩm*

- Cây lúa: tổng diện tích gieo cấy những năm gần đây đạt trên 7,2 triệu ha (7,0 triệu ha lúa thuần; 0,2 triệu ha lúa lai)[[6]](#footnote-6), tổng nhu cầu hạt giống lúa cần cho sản xuất khoảng 720 nghìn tấn hạt giống (700 nghìn tấn lúa thuần; 20 nghìn tấn lúa lai).

Hiện nay ở phía Bắc, hệ thống giống sản xuất giống chính quy (doanh nghiệp, trung tâm giống) sản xuất, đáp ứng khoảng 80% nhu cầu giống lúa gieo cấy, khoảng 2,4 triệu ha/năm tương đương khoảng 65-70 nghìn tấn giống/năm. Số còn lại nông dân tự sản xuất và chuyển vụ

Ở ĐBSCL hệ thống giống chính quy đáp ứng khoảng 45% nhu cầu giống lúa gieo cấy khoảng 4,2 triệu ha, gieo trồng tương đương khoảng 180-200 nghìn tấn giống/năm; hệ thống nông hộ (tổ hợp tác, HTX) sản xuất khoảng 25% tương ứng khoảng 90-100 nghìn tấn giống lúa/năm; còn lại nông dân tự chủ.

Riêng đối với lúa lai: cả nước sản xuất 2.560 ha giống lúa lai F1, năng suất bình quân 2,5 tấn/ha, sản lượng 6.500 tấn hạt lai F1, đáp ứng khoảng 35% nhu cầu hạt giống lúa lai.

- Cây ngô: tổng diện tích gieo trồng đạt 1,0 triệu ha (100% diện tích ngô lai), tổng nhu cầu hạt giống cần cho sản xuất khoảng 20.000 tấn hạt giống.

Hiện nay, hệ thống sản xuất giống chính quy trong nước (cả Công ty, doanh nghiệp trong và ngoài nước) đạt khoảng 12-13 nghìn tấn hạt giống F1, đáp ứng 60 - 65% nhu cầu, lượng còn lại khoảng 7-8 nghìn tấn hạt giống F1 (50-55%) được nhập khẩu từ các nước.

- Cây đậu tương: tổng diện tích gieo trồng đạt 36,0 nghìn ha, tổng nhu cầu hạt giống cần cho sản xuất khoảng 2.200-2.500 tấn hạt giống.

- Cây lạc: tổng diện tích gieo trồng đạt 160 nghìn ha, tổng nhu cầu hạt giống cần cho sản xuất khoảng 36-37 nghìn tấn giống (lạc vỏ).

- Rau đậu các loại: tổng diện tích gieo trồng đạt 937,3 nghìn ha rau; tổng nhu cầu hạt giống cần cho sản xuất khoảng trên dưới 9 nghìn tấn hạt giống.

Hiện nay, hệ thống sản xuất giống chính quy trong nước (cả Công ty, doanh nghiệp trong và ngoài nước) sản xuất hạt giống rau F1 và OP ước đạt 1,0 -1,1, nghìn tấn, lượng còn lại (90%) được nhập khẩu từ các nước, chủ yếu là nhóm hạt lai F1.

Các loại rau như hạt cà rốt, sup lơ, su hào, bắp cải, măng tây, củ cải (hạt lai F1) hầu hết nhập nội 100%, trong nước các đơn vị chưa sản xuất được laoij hạt giống này.

Bảng 4. Cầu và cung giống cây trồng nông nghiệp ở Việt Nam với một số cây lương thực, thực phẩm chính

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Loại cây trồng | Diện tích gieo trồng/năm[[7]](#footnote-7) (nghìn ha) | Tổng cầu về giống (nghìn tấn) | Khả năng sản xuất trong nước[[8]](#footnote-8) (nghìn tấn) |
| Lúa | 7.200,0 | 505 -510 | 505-510 (gần 100%) |
| Ngô | 902,3 | 20 | 12-13 ( 60-65%) |
| Đậu tương | 36,0 | 2,2-2,5 | 2,0-2,2 (gần 100%) |
| Lạc | 160,0 | 36-37 | 35-36 (gần 100%) |
| Rau các loại | 983,3 | 9,0 | 0,7-0,8 (8%) |

*5.1.2. Một số cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm chính*

- Giống chè: Diện tích 121,5 nghìn ha, diện tích trồng mới là 10.900 ha và tái canh khoảng trên 10 ngàn ha. Cơ cấu giống chè trong sản xuất cũng khá đa dạng, các giống chè lai LDP1, LDP2 chiếm tỷ lệ lớn nhất chiếm 29,3%, tiếp đến giống chè Shan chiếm 24%; Trung du chiếm 11,8%; TB14 và LĐ97 chiếm 8,2%; Các giống chè khác PH1, Kim Tuyên, Bát Tiên, Phúc Vân Tiên, OLong Thanh Tâm, TRI777,... chiếm 26,7%.

Nhu cầu cây giống khoảng 198 triệu cây (trồng mới 3.911 ha, trồng thay thế 6.500 ha) và hệ thống cung ứng cây giống hiện nay chủ yếu từ 2 nguồn chính là từ các doanh nghiệp sản xuất chè, Trung tâm giống cấp tỉnh, Viện nghiên cứu và các cơ sở sản xuất giống tư nhân, nhỏ lẻ.

Hệ thống cung ứng giống do các đơn vị của nhà nước (Viện, Trung tâm…), doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh giống chè đáp ứng khoảng 32% nhu cầu giống cho sản xuất; lượng giống còn lại do các cơ sở sản xuất giống tư nhân và nông hộ sản xuất tự để giống.

Viện Khoa học nông lâm nghiệp miền núi phía Bắc (NOMAFSI) nghiên cứu và tuyển lựa đưa vào sản xuất đại trà nhiều giống mới có năng suất, chất lượng cao như PH1, LDP1, LDP2,… Ngoài ra cũng có nhiều giống chè nhập nội được trồng phổ biến như Kim Tuyên, Bát Tiên, Phúc Vân Tiên, Keo Am Tích, Ngọc Thúy,… đây cũng là các giống chè chiếm diện tích lớn trong sản xuất.

Có 46 vườn chè đầu dòng được công nhận với diện tích trên 250.700m2 (182.300 cây), hàng năm cung cấp vật liệu sản xuất trên 21,9 triệu cây giống; tập trung chủ yếu tại Thái Nguyên, Phú Thọ, Quảng Ninh, Yên Bái, Lào Cai. Đã có tổng số 193 cây chè đầu dòng được công nhận, hàng năm cung cấp vật liệu sản xuất trên 23,1 nghìn cây giống; tập trung chủ yếu tại Sơn La, Phú Thọ, Điện Biên, Yên Bái, Quảng Ninh. Giống Shan có số lượng cây đầu dòng được công nhận lớn nhất (161 cây), tiếp đến là giống chè Vân (Quảng Ninh) 15 cây.

- Giống hồ tiêu: Diện tích Hồ tiêu năm 2021 là 130 nghìn, diện tích trồng mới là 15.900 ha và tái canh khoảng 10 ngàn ha. Cơ cấu giống hồ tiêu trong sản xuất chủ yếu là các giống cũ, được trồng từ lâu tại các địa phương nên mang tên gọi gắn liền với địa phương đó. Một số giống được sử dụng phổ biến như tiêu Vĩnh Linh, tiêu sẻ Lộc Ninh, tiêu Phú Quốc, tiêu Trâu và một số giống tiêu nhập nội như Ấn Độ, Srilanca; trong đó giống tiêu Vĩnh Linh là giống chiếm tỷ lệ lớn nhất (chiếm 63%), tiếp đến giống Sẻ chiếm 11,9%, Lộc Ninh chiếm 11,5%; các giống khác Phú Quốc, Ấn Độ, Trung, Trâu, Srilanca,… chiếm 13,6%.diện tích tiêu toàn quốc.

Nhu cầu giống hồ tiêu khoảng 42,9 triệu cây, cây giống chủ yếu do các nông hộ tự sản xuất và trao đổi hoặc mua bán trao đổi giữa các chủ vườn với nhau, không có đăng ký kinh doanh giống (chiếm gần 70% lượng giống phục vụ sản xuất). Lượng cây giống còn lại được cung ứng thông qua trung gian (các cơ sở chuyên bán giống), các cơ sở bán giống có đăng ký và địa điểm cố định chiếm 25%, còn khoảng 5% là giống bán dạo (người bán lấy giống từ các nơi về bán, không có đăng ký kinh doanh, không có địa điểm cố định). Ngoài ra, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển cây Hồ tiêu (PRDC) cùng tham gia cung ứng giống cây hồ tiêu nhưng lượng giống cung ứng chiếm tỷ lệ nhỏ.

Hiện chưa có giống hồ tiêu nào được công nhận chính thức và chưa có vườn đầu dòng, cây đầu dòng được công nhận hay bình tuyển. Các địa phương như Bình Phước, Gia Lai đã xây dựng tiêu chí để bình tuyển và công nhận vườn tiêu đầu dòng. Hiện nay, Bộ đang xem xét để bổ sung giống tiêu sẻ vào Danh mục giống tiêu được phép sản xuất kinh doanh để các địa phương có căn cứ thực hiện.

- Giống mía: Mặc dù Viện nghiên cứu mía đường đã nghiên cứu và đưa nhiều giống ra sản xuất nhưng do mía được nhân giống vô tính khá đơn giản nên việc cung ứng giống mía trong sản xuất hầu hết do bộ phận nông vụ của các công ty sản xuất và kinh doanh mía đường chủ động lên kế hoạch hàng năm phối hợp với người trồng mía tổ chức thực hiện. Trung bình mía trồng sau 3 năm (1 vụ tơ và 2 vụ gốc) sẽ được phá bỏ để trồng mới tái canh. Hàng năm, các công ty căn cứ vào diện tích tái canh và trồng mới để có kế hoạch cung ứng giống và thu mua mía cho nông dân.

- Giống điều: Diện tích điều năm 2021 là 305 nghìn ha; cơ cấu giống mới có năng suất, chất lượng cao được chọn lọc bình tuyển chiếm 38,6% diện tích, còn lại là giống địa phương chiếm 61,4%.

Nhu cầu cây giống hàng năm khoảng 3-4 triệu cây, hệ thống cung ứng chủ yếu qua 3 nguồn chính gồm: các đơn vị nhà nước (Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Cây Điều, Trung tâm Nông nghiệp công nghệ cao tỉnh Bình Phước, Trung tâm giống cây trồng các tỉnh và Viện Khoa học kỹ thuật nông lâm nghiệp TN...) đáp ứng 24,3% nhu cầu; các cơ sở sản xuất giống tư nhân đáp ứng 26%, còn lại là do các nông hộ tự sản xuất.

Hiện nay, có 37 cây đầu dòng được công nhận tập trung tại tỉnh Lâm Đồng đã công nhận được (chủ yếu là giống địa phương); 5.586 cây đầu dòng được bình tuyển tập trung tại tỉnh Bình Phước (3.035 cây giống PN1; 2551 cây giống địa phương) để phục vụ mục đích nhân giống, sản xuất cây giống.

- Giống cao su: Diện tích cao su theo báo cáo năm 2021 là 925 ngàn ha giảm 7,5 ngàn ha so 2020; Nhu cầu cây giống phục vụ trồng mới và thay thế khoảng 4-5,0 triệu cây.

Hiện các giống cao su lai tạo trong nước chiếm >80% diện tích cao su toàn quốc; khoảng gần 20% là các giống cao su nhập nội được sử dụng do có các đặc tính phù hợp với điều kiện tự nhiên của nước ta. Giống cao su cung ứng chủ yếu qua 3 hệ thống chính gồm: Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam (RRIV) cung ứng khoảng 1.700 nghìn cây giống, đáp ứng gần 10% nhu cầu còn lại do các đơn vị thành viên của VRG và các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ cung ứng (chiếm 90%).

Hiện tại, các doanh nghiệp, công ty trồng cao su đều có có vườn ươm giống cao su qui mô từ 1-2 ha để tổ chức sản xuất giống cao su, đảm bảo số lượng và chất lượng cây giống cho đơn vị và làm dịch vụ cung cấp cho các hộ tiểu điền. Các cơ sở sản xuất giống nhỏ lẻ cung ứng 30% nhu cầu giống cao su còn lại cho sản xuất, chủ yếu là cao su tiểu điền.

- Giống cà phê: năm 2021 là 694 ngàn ha, Nhu cầu cây giống khoảng 10-15 triệu cây/năm phục vụ trồng mới, thay thế và tái canh, hiện Việt Nam đã chủ động được 100% cây giống phục vụ sản xuất.

Hệ thống cung ứng cây giống cho sản xuất gồm 2 hệ thống chính là hệ thống các đơn vị nghiên cứu, sản xuất kinh doanh giống thuộc quản lý nhà nước (Viện Nghiên cứu, Trung tâm, Công ty giống cấp tỉnh) và các cơ sở tư nhân. Trong đó, các đơn vị nhà nước sản xuất, cung ứng khoảng 20% nhu cầu, còn lại là các cơ sở tư nhân và nông hộ tự sản xuất (80% nhu cầu).

Hiện cả nước có 12 vườn cà phê đầu dòng được công nhận với diện tích trên 39.694 m2 (3.681 cây), cung cấp hàng năm trên 1,9 triệu mắt, chồi ghép; tập trung chủ yếu tại Điện Biên, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai; có 02 cây cà phê đầu dòng được công nhận tại Lâm Đồng (giống cà phê Thiện Trường và Lá Xoài), hàng năm cung cấp trên 400 mắt, chồi ghép.

***5.2. Đánh giá hiệu quả tác động sử dụng giống trong sản xuất.***

Hiệu quả sử dụng các giống cây trồng mới[[9]](#footnote-9)

Thành tựu nổi bật của công tác chọn tạo giống cây trồng, đặc biệt là giống lúa ở nước ta là đã đạt được thành tựu đáng khích lệ. Các cơ quan nghiên cứu, doanh nghiệp đã chọn tạo, nhập nội và phát triển vào sản xuất một cơ cấu giống cây trồng mới đa dạng cho năng suất cao, chất lượng từ khá - tốt phục vụ hiệu quả cho sản xuất, góp phần thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, tái cấu trúc ngành trồng trọt, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế, cải thiện đời sống cho nông dân.

- Tác động của việc sử dụng giống cây trồng mới đến năng suất, chất lượng sản phẩm: Kết quả đánh giá năng suất một số cây trồng chính ở các địa phương cho thấy năng suất giống cây trồng tăng lên khi áp dụng các giống cây trồng mới: năng suất lúa lai tăng 10 - 15%; năng suất lúa thuần tăng 8 - 10%, năng suất ngô tăng 15 - 22%, năng suất mía tăng 15 - 20%, năng suất cà phê tăng 30 - 35%, năng suất đậu tương, lạc tăng 30 - 35%, năng suất thanh long tăng 28 - 30%. Chất lượng các loại nông sản hàng hoá sản xuất ra đều tốt hơn trước đây, khối lượng sản phẩm có chất lượng cao đều tăng hơn trước.

- Về giá trị sản xuất trên 1 ha đất canh tác do sử dụng giống mới: giá trị sản xuất trên 1 ha sản xuất giống lúa mới chất lượng cao tăng hơn so với sử dụng giống lúa cũ từ 15 - 16 triệu đồng/ha/năm; trên 1 ha sản xuất ngô sử dụng giống ngô mới tăng hơn so với sử dụng giống ngô thường từ 13 - 14 triệu đồng/ha/vụ; trên 1 ha lạc giống mới tăng hơn sử dụng giống cũ khoảng 4 - 5 triệu đồng/ha/vụ; giá trị sản xuất cà phê bằng giống mới tăng hơn so với sử dụng giống cũ từ 18 - 20 triệu đồng/ha/năm.

- Về thu nhập của các hộ nông dân áp dụng giống cây trồng mới: Do sử dụng các giống cây trồng mới và tham gia sản xuất giống đã góp phần tăng thu nhập, nâng cao mức sống cho người dân, giảm tỷ lệ hộ nghèo tại các địa phương.

**6. Những hạn chế, thách thức và cơ hội của ngành giống cây trồng nông nghiệp Việt Nam.**

***6.1. Hạn chế và thách thức***

- Hệ thống sản xuất giống tuy nhiều nhưng năng lực hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực của sản xuất hàng hóa, hướng xuất khẩu.

Các giống cây lương thực chính như lúa, ngô cơ bản đáp ứng cầu về giống, với lúa trên 95% giống phục vụ sản xuất được sản xuất trong nước, và chất lượng đảm bảo theo tiêu chuẩn Việt nam; Hạt giống lúa ưu thế lai (F1) của một số giống mới có nguồn gốc từ Trung quốc vẫn phải nhập nội, tuy nhiên lượng giảm nhanh những năm gần đây.

Trên 60% giống ngô lai F1 sản xuất trong nước, và còn trên dưới 40% lượng hạt giống nhập khẩu qua các công ty có vồn FDI.

Khâu yếu nhất của Việt nam với ngành hàng hạt giống đó là giống rau, hoa. Hiện chúng ta phải nhập trên dưới 90% hạt giống loại này với giá trị vài chục triệu USD, mặc dù chúng ta có những vùng khí hậu (vùng núi cao phía Bắc, Đà lạt) có thể sản xuất được hạt giống các loại rau cận ôn đới.

- Các chương trình, đề tài nghiên cứu chọn tạo giống chủ yếu tập trung vào nhóm cây lương thực truyền thống như lúa, ngô; nhóm cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm, rau và hoa chưa được quan tâm đúng mức, một số đối tượng còn bỏ trống.

-Các quy định của pháp luật còn một số bất cập, thủ tục rờm rà, các văn bản hướng dẫn luật chậm ban hành và một số còn mâu thuẫn, thiếu tính khả thi làm hạn chế tỉnh sáng tạo và ứng dụng công nghệ mới chọn tạo và phóng thích giống cây trồng nông nghiệp ra lưu hành.

-Các kết quả nghiên cứu về giống rau, hoa còn ít và nhất là công nghệ sản xuất hạt giống ưu thế lai với việc tạo ra các dòng thuần bố, mẹ và kỹ thuật sản xuất còn yếu kém, lợi thế cạnh tranh thấp

- Sự không đồng đều về hệ thống sản xuất và cung ứng giữa các vùng miền, số lượng doanh nghiệp tham gia ngành giống khá đông nhưng không thực sự mạnh, Khu vực ĐBSCL, vựa sản xuất lúa, trái cây nhưng số công ty sản xuất giống lớn, có tiềm lực rất ít, giống lúa là chủ lực nhưng vẫn còn trên 25% nông dân sử dụng giống “không cấp”[[10]](#footnote-10).

- Công tác thanh tra kiểm tra về chất lượng giống trong thời gian qua mặc dù đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo quyết liệt nhưng vẫn chưa đạt yêu cầu do quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh giống chưa chặt chẽ; sự phối hợp giữa các cơ quan Trung ương và địa phương thiếu thống nhất và hiệu quả. Tình trạng giống kém chất lượng vẫn được sản xuất, lưu thông và sử dụng; gây thiệt hại cho nông dân đồng thời làm bóp méo thị trường, cạnh tranh không lành mạnh; nhất là với giống cây ăn quả và cây công nghiệp.

- Quyền tác giả chưa được chú trọng đúng mức, tình trạng xâm phạm bản quyền tác giả về giống, gồm cả các giống nhập nội vẫn xảy ra thường xuyên gây khó khăn cho công tác quản lý cũng như chứng minh xuất xứ với các sản phẩm xuất khẩu.

-Diện tích gieo trồng một số nhóm cây trồng giảm do chuyển đổi đất sang mục đích khác, cầu về hạt giống cũng sẽ giảm, trong khi chất lượng yêu cầu tăng và đáp ứng các tiêu chuẩn Việt nam cũng như tiêu chuẩn cơ sở đã được công bố.

-Biến đổi khí hậu gây ra những tác động khó lường và làm đảo lộn các kế hoạch, vùng sản xuất giống.

-Hội nhập và cạnh tranh khốc liệt hơn, đòi hỏi ngành giống phải nhanh chóng hiện đại hóa và hoàn thiện để đáp ứng cầu về hạt giống cây nông nghiệp.

***6.2. Cơ hội cho ngành giống cây trồng nông nghiệp.***

-Sản xuất nông sản vẫn luôn là thế mạnh của Việt Nam, Đảng, nhà nước luôn quan tâm và coi “nông nghiệp, nông dân và nông thôn” là chương trình lớn, có tính chiến lược và là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Hiện Ban kinh tế Trung ương đang xây dựng dự thảo Nghị quyết hội nghị lần V của BCHTW (khóa III) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030 tầm nhìn 2045.

- Ngày 28/5/2020; Chính phủ ký quyết định phê duyệt chương trình phát triển, nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2030. Tổng mức đầu tư: 103.050 tỷ đồng, trong đó ngân sách nhà nước 16.450 tỷ đồng, nguồn vốn khác 86.600 tỷ đồng.

Mục tiêu của chương trình là: Nâng cao năng lực nghiên cứu, sản xuất giống cây nông lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản theo hướng công nghiệp hiện đại, nhằm cung cấp cho sản xuất đủ giống có năng suất, chất lượng, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Với mục tiêu cụ thể của ngành trồng trọt: Đảm bảo sử dụng 90% giống lúa xác nhận và hạt lai F1, sử dụng giống ngô lai đạt trên 95%, 100% diện tích chè, cao su, chuối; 80-90% diện tích cà phê, điều; 70-80% diện tích cam, bưởi và 40-50% diện tích hồ tiêu, sắn trồng mới được sử dụng giống đũng tiêu chuẩn; Sản xuất giống rau trong nước đáp ứng 25-30% nhu cầu.

-Một số văn bản pháp luật như luật đất đai sẽ được sửa đổi vào năm tới tạo điều kiện gỡ các nút thắt về việc dồn đổi, chuyển nhượng sẽ hình thành các nông trại, trang trại mới, cầu về giống tốt, giống đảm bảo chất lượng sẽ cao hơn và điều kiện sản xuất giống sẽ được tập trung hơn.

-Sự phát triển mạnh của khoa học công nghệ, công nghệ sinh học, công nghệ phân tử như chỉnh sửa gen, đánh dấu gen sẽ giúp việc chọn tạo ra các giống cây trồng cho năng suất chất lượng, chống chịu nhanh và hiệu quả hơn.

-Hội nhập quốc tế và quan hệ trao đổi hợp tác về nguồn gen giống cây trồng, về bảo hộ được tăng cường, tạo cơ hội để chúng ta học tập, tận dụng các kết quả khoa học công nghệ đã có của các quốc gia, và nhập nội, sản xuất giống phát triển mạnh hơn./.

1. Báo cáo của Viện khoa học nông nghiệp Việt Nam [↑](#footnote-ref-1)
2. Từ 1/1/2020, Luật trồng trọt (luật số 31/QH14) có hiệu lực, giống cây trồng chính đươc công nhận lưu hành. [↑](#footnote-ref-2)
3. Trần Xuân Định và CT, Cục trồng trọt-Báo cáo điều tra cơ cấu giống lúa 2016. [↑](#footnote-ref-3)
4. Theo cập nhật của Cục trồng trọt, 2020, giống IR50404 là giống có chất lượng cơm gạo kém đã giảm nhanh chỉ còn trên 300.000 ha, các giống chất lượng (hạt dài, gạo trong, cơm mềm, dẻo) và giống lúa thơm tăng nhanh với các nhóm lúa thơm mới như RVT, Đài thơm 8, ST24 và ST25, Nàng hoa 9.. Các giống OM5451, OM6976 tăng nhanh. [↑](#footnote-ref-4)
5. Cục trồng trọt-Báo cáo công tác chọn tạo và sản xuất giống cây ăn quả và cây công nghiệp, 2020. [↑](#footnote-ref-5)
6. Báo cáo điều tra tái cấu trúc lúa gạo, 2020, Cục tròng trọt, Bộ NNPTNT [↑](#footnote-ref-6)
7. Diện tích gieo trồng cập nhật 2021, Báo cáo tổng kết ngành NNPTNT, Bộ NNPTNT [↑](#footnote-ref-7)
8. Gồm giống do các doanh nghiệp giống và nông dân tự sản xuất [↑](#footnote-ref-8)
9. Trích kết quả tính toán qua điều tra của nhiệm vụ “rà soát thực trạng áp dụng các tiến bộ về giống cây trồng”, Viện Quy hoạch thiết kế nông nghiệp, 2017 [↑](#footnote-ref-9)
10. Kết quả điều tra, 2020, Cục trồng trọt [↑](#footnote-ref-10)